

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG
MOBIFONE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /MOBIFONE - KHCL

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

V/v công bố thông tin kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm 2021 theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, trong đó quy định công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Tổng công ty Viễn thông MobiFone (MobiFone) đã thực hiện báo cáo và đăng tải các thông tin kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm 2021 trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Công thông tin doanh nghiệp đúng thời hạn. MobiFone kính gửi quý Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp thông tin công bố như văn bản kèm theo.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (đề b/c);
- TGD (đề b/c);
- KSV TCT;
- PTGD – Bùi Sơn Nam;
- Lưu: VT, KHCL.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Bùi Sơn Nam

Phụ lục I
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Văn bản số / / ngày / /2022
của Tổng công ty Viễn thông MobiFone)

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MOBIFONE Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MST: 0100686209

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021, tình hình dịch bệnh trên thế giới và Việt Nam diễn biến phức tạp, doanh thu viễn thông vẫn chưa được cải thiện. Tại Việt Nam, số ca lây nhiễm đặc biệt tăng cao tại các tỉnh phía nam (từ tháng 4/2021 đến cuối năm), riêng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giãn cách xã hội hơn 120 ngày (Từ 0h ngày 31/5/2021 đến 30/9/2021) theo chỉ thị 16 của Chính phủ. Thị trường tại Thành phố Hồ Chí Minh và các Tỉnh phía nam là các thị trường trọng điểm và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của MobiFone do vậy tình hình dịch bệnh kéo dài tại các khu vực này đã làm ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của MobiFone trong năm 2021.

Thủ đô Hà Nội thực hiện giãn cách xã hội 59 ngày (từ 24/7/2021 đến 21/9/2021). Hoạt động kinh tế - xã hội bị đình trệ nghiêm trọng tại các tỉnh thành bùng phát dịch. Do đó ảnh hưởng đến doanh thu viễn thông trong nước và tại các địa phương bùng phát dịch.

Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn do dịch bệnh, MobiFone đã nỗ lực hết sức, vừa chung tay cùng cả nước vượt qua khó khăn, vừa triển khai phát triển cơ sở hạ tầng, các dịch vụ, công nghệ mới, nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn. Tổng doanh thu năm 2021 đạt 30.928 tỷ đồng, hoàn thành 103% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 3.999 tỷ đồng, hoàn thành 102% kế hoạch.

Cụ thể chi tiết các chỉ tiêu tại Bảng số 1, như sau:

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch (Công ty mẹ)	Giá trị thực hiện (Công ty mẹ)	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	30.013	30.928	32.119
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		4.751	4.808
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.928	3.842	3.883
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng		2.933	3.050

6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (Nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động bình quân (Không bao gồm người quản lý)	Người	3.987	3.812	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	1.291		
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	7.07		
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	1.284		

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

(*) Lợi nhuận sau thuế có tính đến yếu tố khách quan là 3.999 tỷ đồng đạt 102% so với Kế hoạch được giao.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.**1. Tình hình triển khai dự án đầu tư.**

Năm 2021, Ủy ban quản lý vốn nhà nước đã giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư cho MobiFone tối đa không quá 7.900 tỷ đồng. Trong bối cảnh đại dịch Covid – 19, với sự quyết tâm cao, MobiFone đã tập trung nguồn lực để quyết tâm hoàn thành kế hoạch đầu tư, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Năng lực mạng lưới và dịch vụ Viễn thông của MobiFone được đầu tư, xây dựng và phát triển theo hướng hiện đại hóa về công nghệ, phạm vi phục vụ và chất lượng mạng lưới, nhiều dịch vụ mới được cung cấp đáp ứng được nhu cầu thông tin ngày càng tăng cao của khách hàng, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, công tác an ninh quốc phòng, theo kịp xu thế hội nhập, cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới.

Công tác đầu tư, xây dựng của MobiFone đã thực hiện nghiêm túc các quy định Nhà nước, các dự án đầu tư được phê duyệt đều nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới viễn thông, công nghệ thông tin của MobiFone, thủ tục phê duyệt dự án thực hiện đúng cấp, thẩm quyền và quy trình đầu tư.

Trong điều kiện có nhiều hạn chế về nguồn lực, nhiều vướng mắc khách quan trong triển khai cơ sở hạ tầng nhà trạm, cáp quang, ảnh hưởng của hình dịch COVID-19, nhưng năm 2021, MobiFone đã đạt được những kết quả tương đối khả quan như hoàn thành lắp đặt và phát sóng khoảng 3.300 trạm 4G mới phục vụ sản xuất kinh doanh; hoàn thành thi công xây dựng khoảng 920 trạm BTS và bàn giao đưa vào sử dụng khoảng 13.800 km cáp quang thuộc các dự án đầu tư.

Tính đến 31/12/2021, với sự quyết tâm vượt qua khó khăn từ đại dịch Covid – 19, MobiFone đã hoàn thành giải ngân đạt 6.296 tỷ đồng, bằng 79,70% kế hoạch vốn đầu tư do Ủy ban quản lý vốn nhà nước giao. Trong đó dự án nhóm B đạt 3.462 tỷ đồng, đạt 81,98% kế hoạch. Cụ thể tình hình thực hiện đầu tư chi tiết tại Bảng số 2 theo Phụ lục đính kèm.

2. Các khoản đầu tư tài chính. Năm 2021, MobiFone không thực hiện đầu tư thêm tài

chính, đồng thời đã thực hiện thoái vốn thành công số cổ phần tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) với giá trị 87,81 triệu đồng theo quy định về đầu tư vốn ngoài ngành của doanh nghiệp.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Năm 2021, MobiFone không đầu tư thêm vào công ty con, công ty liên kết hay đầu tư dài hạn khác. Tình hình đầu tư vào công ty con tính đến 31/12/2021, cụ thể như sau:

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	<i>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ: Không</i>									
2	<i>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>									
2.1	Công ty CP Dịch vụ gia tăng MobiFone	106,0	102,0	250,0	900,1	10,4	8,8	5,1	46,6	92,8
2.2	Công ty CP Công nghệ MobiFone toàn cầu	146,1	101,4	419,7	904,7	38,4	31,4	15,2	25,4	196,3
2.3	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật MobiFone	70,6	22,1	293,7	464,6	34	27,5	5,5	41,7	103,2

Phụ lục I.1

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện đến hết 2021 (tỷ đồng)	Thời gian TH dự án
A	Các dự án nhóm A						
	không có						
B	Các dự án nhóm B	19.457,18	19.177,45	279,73	0	13.499,59	
1	Trang bị hệ thống quản lý mạng thông tin di động (NMS) mạng Mobifone VMS	259,6	259,6	0	0	185,3	2010-2017
2	Trang bị thiết bị metro cho các tỉnh Đông Bắc Bộ	101,0	92,6	8,4	0	96,1	2017-2018
3	Trang bị thiết bị metro cho các tỉnh Đông Nam Bộ	235,1	235,1	0	0	200,8	2016-2017
4	Trang bị thiết bị metro cho các tỉnh Tây Nam Bộ	191,6	191,6	0	0	123,6	2016-2018
5	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình trên đất hình thành trong tương lai - Trung tâm Kỹ thuật Khai thác MobiFone Node 3 - Thành phố Hồ Chí Minh	186,2	186,2	0	0	178,0	2013-2017
6	Đầu tư Tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Đà Nẵng	293,6	293,6	0	0	238,4	2015-2018
7	Đầu tư Tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Hải Phòng	333,9	333,9	0	0	289,0	2015-2019
8	Đầu tư Tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Việt Trì - Phú Thọ	139,9	139,9	0	0	123,6	2015-2019
9	Hệ thống trạm biến áp, đường dây tải điện và máy phát điện dự phòng cho Tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Đà Nẵng	60,0	60,0	0	0	53,1	2015-2017

10	Đầu tư Tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Đồng Nai	294,5	294,5	0	0	210,4	2016-2021
11	Đầu tư xây dựng tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Vĩnh Long	69,2	69,2	0	0	0,2	2021-2024
12	Đầu tư xây dựng Trung tâm điều hành viễn thông MobiFone Phú Yên	71,8	71,8	0	0	0,2	2021-2024
13	Mở rộng và Nâng cấp mạng lõi phục vụ LTE	249,9	206,6	43,3	0	247,2	2016-2017
14	Trang bị thiết bị vô tuyến 4G LTE cho các thành phố khu vực miền Bắc mạng MobiFone	771,6	689,4	82,2	0	421,1	2016-2017
15	Trang bị thiết bị vô tuyến 4G LTE cho khu vực Tp HCM và các thành phố khu vực miền Nam mạng MobiFone	998,4	886,1	112,3	0	540,1	2016-2017
16	Trang bị thiết bị vô tuyến 4G LTE cho các thành phố khu vực miền Trung mạng MobiFone	253,5	231,3	22,2	0	130,1	2016-2017
17	Nâng cấp hệ thống MSS Huawei tại miền Nam và GT-MSS trên toàn mạng	158,4	147,1	11,3	0	145,1	2016-2018
18	Trang bị hệ thống OCS/Billing	326,6	326,6	0	0	34,5	2018-2019
19	Hệ thống quản lý CDR file và đấu nối dịch vụ	85,0	85,0	0	0	7,8	2018-2020
20	Mở rộng năng lực hệ thống PS Core 2017	350,0	350,0	0	0	255,6	2017-2019
21	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến các tỉnh miền Bắc	836,7	836,7	0	0	795,2	2017-2018
22	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến các tỉnh miền Trung	770,9	770,9	0	0	647,5	2017-2018
23	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực Tp. Hồ Chí Minh	1.066,0	1.066,0	0	0	902,3	2017-2018
24	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực Đông Nam Bộ	811,9	811,9	0	0	637,4	2017-2018
25	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực Tây Nam Bộ	948,3	948,3	0	0	762,1	2017-2018
26	Trang bị thiết bị truyền dẫn Viba cho trung tâm mạng lưới miền Nam năm 2017	170,0	170,0	0	0	140,4	2017-2018

27	Trang bị thiết bị truyền dẫn nội tỉnh cho các tỉnh miền Nam năm 2017	169,0	169,0	0	0	145,8	2018-2020
28	Mở rộng và Nâng cấp hệ thống Tối ưu dữ liệu data trên mạng Mobifone	199,9	199,9	0	0	179,4	2018-2020
29	Mở rộng và tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực miền Bắc năm 2018	1.111,3	1.111,3	0	0	971,4	2019-2020
30	Mở rộng và tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực miền Trung năm 2018	596,9	596,9	0	0	539,0	2019-2019
31	Mở rộng và tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực Tp HCM năm 2018	511,7	511,7	0	0	397,7	2018-2020
32	Mở rộng và tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực Đông Nam Bộ năm 2018	449,6	449,6	0	0	400,7	2019-2020
33	Mở rộng và tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực Tây Nam Bộ năm 2018	439,7	439,7	0	0	390,0	2019-2019
34	Trang bị thiết bị viba tăng cường năng lực mạng hiện hữu và phục vụ kết nối truyền dẫn phát triển mạng mới năm 2018	155,7	155,7	0	0	89,1	2018-2019
35	Nâng cấp hệ thống BigData năm 2020	85,0	85,0	0	0	2,3	2020-2023
36	Trang bị hệ thống IMS trên mạng Mobifone	199,9	199,9	0	0	51,7	2019-2021
37	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến các tỉnh miền Bắc mạng MobiFone năm 2019	789,7	789,7	0	0	708,8	2019-2020
38	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến các tỉnh miền Trung mạng MobiFone năm 2019	418,7	418,7	0	0	378,2	2019-2020
39	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến các tỉnh miền Nam mạng MobiFone năm 2019	942,3	942,3	0	0	847,7	2019-2020
40	Trang bị thiết bị metro cho các tỉnh miền Bắc năm 2020	174,6	174,6	0	0	98,8	2020-2021
41	Trang bị nền tảng Private Cloud mới phục vụ nội bộ	94,0	94,0	0	0	66,1	2020-2022
42	Nâng cấp hệ thống Backup tập trung	58,2	58,2	0	0	35,4	2020-2021
43	Nâng cấp dung lượng Firewall Gi tại site HCM	78,4	78,4	0	0	72,2	2020-2021

44	Nâng cấp và Mở rộng năng lực hệ thống PS Core 2020	180,0	180,0	0	0	40,4	2020-2021
45	Nâng cấp hệ thống HLR tập trung	151,2	151,2	0	0	0,0	2020-2024
46	Mở rộng vùng phủ sóng vô tuyến khu vực miền Bắc mạng MobiFone năm 2020	557,0	557,0	0	0	405,0	2020-2021
47	Mở rộng vùng phủ sóng vô tuyến khu vực miền Trung mạng MobiFone năm 2020	325,3	325,3	0	0	89,7	2020-2021
48	Tăng cường chất lượng phủ sóng mạng vô tuyến MobiFone năm 2020	1.045,3	1.045,3	0	0	224,9	2020-2021
49	Mở rộng hệ thống PS core mạng MobiFone	202,7	202,7	0	0	0	2021-2023
50	Trang bị hệ thống DWDM Nam Bộ 2	156,6	156,6	0	0	0	2021-2023
51	Tăng cường chất lượng phủ sóng 4G mạng MobiFone năm 2021	252,7	252,7	0	0	0	2021-2022
52	Trang bị hệ thống Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) cho MobiFone (Phase 2)	77,9	77,9	0	0	0	2021-2024

** Ghi chú: Các dự án số 19,41,45,49,50,52 đang triển khai thực hiện dự án, các dự án còn lại đã hoàn thành đưa vào sử dụng/đang quyết toán/bảo hành*